

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 6 năm 2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Lương

Ông Đặng Công Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Minh Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà Phan Lê Nguyên Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2025/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đoàn Văn N**, sinh năm 1993; Địa chỉ: K đường L, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh P**, sinh năm 1994; Địa chỉ: K đường C, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn – ông Đoàn Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Thị Thanh P xây dựng gia đình với nhau vào năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở nhà cha mẹ ông N tại địa chỉ K L, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai bên gia đình đã nhiều lần cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 5/2021, bà P bỏ về nhà cha mẹ ruột để sinh

sống và chúng tôi ly thân từ đó đến nay. Nay tôi xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà P.

Về quan hệ con chung: Tôi xác định tôi và bà Nguyễn Thị Thanh P có 01 con chung tên Đoàn Phương Bảo N1. Hiện nay con đang do bà P trực tiếp nuôi dưỡng nên ly hôn tôi có nguyện vọng giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và Tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Thị Thanh P để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật. Đối với bị đơn, kể từ thời điểm thụ lý đến thời điểm trước khi mở phiên tòa đã không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho ông Đoàn Văn N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh P; Giao con chung Đoàn Phương Bảo N1, sinh ngày 22/11/2018 cho bà Nguyễn Thị Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đoàn Văn N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” giữa nguyên đơn ông Đoàn Văn N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh P đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Theo nguyên đơn trình bày thì ông Đoàn Văn N và bà Nguyễn Thị Thanh P xây dựng gia đình với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở nhà cha mẹ ông N tại địa chỉ K L, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Trong cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được, và đỉnh điểm đến tháng 5/2021 thì bà P đã bỏ về nhà cha mẹ ruột để sinh sống và ông bà sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Nay ông N xác định tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà P. Về con chung: ông Đoàn Văn N xác định ông và bà Nguyễn Thị Thanh P có 01 con chung là Đoàn Phương Bảo N1, sinh ngày 22/11/2018; Ly hôn, ông N có nguyện vọng giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Cuộc hôn nhân của ông Đoàn Văn N và bà Nguyễn Thị Thanh P là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Đến nay, ông N cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài và không còn tình cảm với bà P nữa nên có quyền làm đơn khởi kiện xin ly hôn theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử bà Nguyễn Thị Thanh P đều không có mặt theo triệu tập; thông báo của Tòa án, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia các phiên hoà giải và cũng không tham gia phiên tòa thể hiện bà P không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, vợ chồng ông N và bà P không còn chung sống với nhau tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; có kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả nên cần áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Đoàn Văn N là hợp tình hợp lý.

[4] Về quan hệ con chung: Ông Đoàn Văn N trình bày vợ chồng có 01 con chung tên Đoàn Phương Bảo N1, sinh ngày 22/11/2018. Ly hôn, ông N có nguyện vọng giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện nay con chung đang do bà P trực tiếp nuôi dưỡng, cháu N1 là con gái nên để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện và không làm sáo trộn cuộc sống của cháu cần giao cháu cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, nguyện vọng giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Ông Đoàn Văn N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông Đoàn Văn N trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo luật định.

[8] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn " của ông Đoàn Văn N đối với bà Nguyễn Thị Thanh P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Văn N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh P.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 154/2018 ngày 18 tháng 10 năm 2018 của UBND phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng)

2. Về quan hệ con chung: Ông Đoàn Văn N và bà Nguyễn Thị Thanh P có 01 con chung tên Đoàn Phương Bảo N1, sinh ngày 22/11/2018.

Giao con chung Đoàn Phương Bảo N1, sinh ngày 22/11/2018 cho bà Nguyễn Thị Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đoàn Văn N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đoàn Văn N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi

cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0005172 ngày 25/02/2025.

Án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ: Ông Đoàn Văn N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Hà